TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/DS-ST
Ngày: 08 - 4 - 2022
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Ngọc Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Phúc

Ông Lê Thành Đông

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Văn G**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Thanh T**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Người làm chứng:

- Chị **Phan Thị Kim L**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp 1, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Anh **Hồ Văn Q**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Anh **Tiết Kim H**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp LT, xã L, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Ông **Nguyễn Văn L1**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp 5, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1951.

Địa chỉ: ấp 6, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, ông G, ông T, ông M, ông L1 có mặt; anh Q, anh H, chị L có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Võ Văn G trình bày:

Ông, ông T, ông M có quen biết nhau, thường hay gặp gỡ và G đỡ nhau trong cuộc sống. Biết ông M có sẵn tiền, ông T nhờ ông vay tiền ông M để ông T làm ăn (cho người khác vay lại). Ngày 10/9/2020 âm lịch (nhằm ngày 26/10/2020 dương lịch), sau khi nhận của ông M 35.000.000 đồng, ông đưa ông T vay toàn bộ số tiền này tại quán cà phê Ngọc Lan (xã Lương Quới). Do ông T nói vay tạm 01 tháng rồi trả và trước đây ông T cũng hay G đỡ ông nên ông không tính lãi và không yêu cầu ông T làm giấy nợ. Ngày 25/9/2020 (nhằm ngày 10/11/2020 dương lịch), ông T nhờ ông vay dùm ông T 50.000.000 đồng. Lần này, ông hẹn ông T, ông M đến tại nhà ông (ở Châu Bình) để giao nhận tiền cho nhanh, ông đã giao cho ông T 50.000.000 đồng. Ba ngày sau, ông thông báo lãi suất và yêu cầu ông T viết biên nhận thì ông T không chịu viết rồi mang 50.000.000 đồng trả cho ông và đưa thêm 300.000 đồng tiền lãi để ông trả cho ông M. Thấy vậy, ông nhắc ông T số tiền vay lần trước là 35.000.000 đồng thì ông T nói từ từ trả. Quá trình ông nhắc nợ, đòi tiền ông T diễn ra nhiều lần trong thời gian dài và có rất nhiều người chứng kiến. Ban đầu, ông T còn năn nỉ, hứa hẹn; sau này, ông T nói thẳng với ông là không có giấy tờ nên không trả, ông T còn hăm dọa, thách thức ông thưa kiện. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền gốc 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 26/10/2020 dương lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Huỳnh Thanh T trình bày:

Ông, ông G, ông M là bạn bè, thường hay gặp gỡ uống cà phê với nhau. Trước đây, ông hay G đỡ ông G trong cuộc sống nên sau này khi cần tiền, ông hỏi thì ông G cho ông vay ngay. Ngày 07/10/2020 (dương lịch), ông gặp ông G tại nhà ông G (nhà ở Châu Bình - ông G có 02 nhà), ông G đưa ông vay 50.000.000 đồng, hai bên chưa nói lãi suất bao nhiêu, lúc đó cũng có mặt ông M. Theo lẽ thường, khi ông cho ai vay, ông sẽ yêu cầu người vay viết biên nhận, giấy cam kết hoặc nhờ ai đó viết dùm rồi người vay ký tên. Ông vẫn viết được những giấy tờ này nhưng ông không viết mà họ viết để thể hiện sự tự nguyện của người họ, tránh rắc rối sau này. Ngày hôm đó, cả 3 người (ông, ông G, ông M) gấp nhậu nên ông không làm giấy tờ biên nhận gì cho ông G. Ngày 09/10/2020, ông gặp ông G tại quán cà phê Ngọc Lan trên Lương Quới, ông G có yêu cầu ông viết biên nhận số tiền 50.000.000 đồng, sẵn đó ông hỏi lãi suất như thế nào thì ông biết lãi cao quá và tiền mà ông nhận 02 hôm trước là tiền của ông M nên ông không muốn vay nữa. Cũng buổi sáng ngày hôm đó, ông xoay được tiền nên trả cho ông G 50.000.000 đồng gốc và 300.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 50.300.000 đồng. Lúc trả tiền có ông M và cô phụ quán cà phê Ngọc Lan.

Như vậy, ông không còn nợ nần gì với ông G nữa. Sau đó, ông G đến nhà ông 02 lần, dẫn theo đám xã hội đen và ông M đến để đòi tiền 35.000.000 đồng mà ông G cho rằng cho ông vay trước khi cho vay 50.000.000 đồng. Mặc dù đông người đến nhà nhưng ông vẫn rất bình tĩnh xử lý tình huống, ông yêu cầu ông G đưa ra giấy tờ chứng minh nợ thì ông sẽ trả, ông chưa hề xin "trả từ từ" vì ông không hề vay số tiền này. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông G thì ông không đồng ý, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng trình bày:

- Người làm chứng L: Chị là nhân viên phục vụ quán cà phê Ngọc Lan (xã Lương Quới). Chị biết ông G và ông T do hai ông thường xuyên đến quán Ngọc Lan để uống cà phê. Cách đây hơn 01 năm, trong lúc ngồi uống nước tại quán, chị thấy ông G đưa cho ông T 1 bọc mủ đen, ông T nhận bọc mủ và lấy ra đếm rất nhiều tiền mệnh giá 500.000 đồng nhưng chị không biết đây là tiền gì, không biết bao nhiêu. Ngoài ra, chị không thấy ông T và ông G giao nhận tiền lần nào nữa.

- Người làm chứng H: Anh là bạn của con ông G, khi con ông G làm mái che tiền chế thì anh có xuống chơi và phụ làm, ông T được ông G mướn hàn sắt. Trong lúc làm và nghỉ xả hơi, anh nghe ông G kêu ông T trả tiền thiếu 35.000.000 đồng mà ông T đã mượn trước đây thì ông T nói ông G là "từ từ, khi vay được tiền ngân hàng sẽ trả". Do anh đứng rất gần nên chứng kiến rõ cuộc nói chuyện hai người.

- Người làm chứng Q: Anh biết ông G và ông T, anh không mâu thuẫn hay bênh vực cho ai, cách đây hơn 01 năm, ông G có rủ anh cùng ông G đi đến nhà ông T hai lần, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Anh đi cùng ông G đến nhà ông T, khi đến nơi, anh nghe ông G kêu ông T trả tiền đi thì ông T nói để hốt hụi trả. Anh chỉ nghe vậy chứ không biết ông T thiếu bao nhiêu.

+ Lần 2: Anh đi cùng ông G đến nhà ông T, khi đến nơi, anh nghe ông G kêu ông T trả 35.000.000 đồng thì ông T nói là để vay tiền ngân hàng trả.

Cả hai lần đi cùng ông G đến nhà ông T, anh thấy hai người chỉ đứng ngoài nói chuyện, ông G không có vô nhà ông T, anh đứng rất gần nên chứng kiến rõ và nghe cuộc nói chuyện giữa hai người.

- Người làm chứng L1: Ông biết ông T có tiệm và làm nghề sửa xe ở xã Bình Hòa. Sự việc ông G và ông T vay mượn tiền như thế nào ông không biết nhưng có một lần khi đang uống nước cùng ông G ở quán cà phê Ngọc Lan. Ông thấy ông G lấy điện thoại ra gọi ông T cho nói "mày lên đây uống cà phê và làm giấy tờ cho ông 5 M tiền mượn". Do ông ngồi gần và loa điện thoại ông G M rất nên ông nghe ông T trả lời "… có ba mấy triệu mà làm gì dữ vậy" rồi cúp máy ngang. Sau đó, ông G gọi

lại thì bên kia không bắt máy, ông hỏi thì rõ là ông G đòi 35.000.000 đồng đã cho ông T mượn trước đây. Ông khẳng định giọng nói bên kia trong cuộc điện thoại với ông G mà ông nghe ngày hôm đó là của ông T.

- Người làm chứng M: Trong lúc uống cà phê tại quán cà phê Ngọc Lan, ông thấy ông G có đòi ông T trả số tiền 35.000.000 đồng 3 lần: lần 1 ông T hứa hốt hụi trả; lần 2 hứa vay ngân hàng trả; lần 3 hứa bán đất mẹ ruột trả nhưng không trả. Sau đó, ông T không đến quán uống cà phê nữa, ông có đi cùng ông G đến nhà ông T nhiều lần, ông T có ở trong nhà nhưng không ra mở cửa mà chỉ có vợ ông T ra nói có giấy nợ mới trả tiền.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu ông T trả số tiền gốc 35.000.000 đồng. Bị đơn, những người làm chứng vẫn giữ nguyên ý kiến như trên, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người làm chứng thực hiện đúng quy định tại Điều 78 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn G. Buộc ông Huỳnh Thanh T có trách nhiệm trả cho ông Võ Văn G số tiền gốc 35.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông G về việc buộc ông T trả cho ông G tiền lãi của số tiền gốc 35.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả tiền vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[1.2] Ông T là bị đơn trong vụ án hiện cư trú tại ấp Kinh Trong, xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tiền gốc: Số tiền 35.000.000 đồng ông G cho ông T vay 10/9/2020 âm lịch (nhằm ngày 26/10/2020 dương lịch), ông T không thừa nhận có vay của ông G. Xét thấy, ông G và ông T đều thừa nhận hai người là bạn bè, thường hay G đỡ nhau (cho vay mượn tiền để làm ăn, sinh hoạt, xoay sở trong cuộc sống). Trước đây, ông T có cho ông G vay tiền nhiều lần, hai bên không làm hợp đồng bằng văn bản, ông G đã trả xong. Năm 2020, ông T có vay của ông G 50.000.000 đồng, hai bên cũng không làm hợp đồng bằng văn bản nhưng giữa ông G và ông T đều thống nhất số tiền vay 50.000.000 đồng vay tại nhà ông G ở Châu Bình, ông T đã trả 50.000.000 đồng cho ông G. Điều này chứng tỏ, giữa ông T và ông G đã nhiều lần giao kết hợp đồng vay tài sản bằng lời nói, hành vi cụ thể mà không lập thành văn bản. Tại Biên bản đối chất ngày 17/01/2022, ông G cho rằng lần giao tiền tại quán Ngọc Lan là ông cho ông T vay 35.000.000 đồng, ông T cho rằng đó là số tiền 50.000.000 đồng ông trả ông G. Bà Phan Thị Kim L trình bày: ông G và ông T hay đến quán uống cà phê, bà là nhân viên phục vụ quán, trong lúc ngồi uống nước bà thấy ông G đưa cho ông T 01 bọc mũ đen, ông T nhận bọc mũ và đếm rất nhiều tiền mệnh giá 500.000 đồng. Xét thấy: ông T thừa nhận ông và ông G mỗi ngày đều uống cà phê tại quán Ngọc Lan, là khách quen của quán nên bà L biết rất rõ ông và ông G, theo lời trình bày bà Lan có cơ sở xác định: tại quán Ngọc Lan, ông G đưa cho ông T và ông T đếm tiền chứ không phải ông T đưa tiền cho ông G nên lần giao tiền tại quán Ngọc Lan là tiền ông G cho ông T vay, không phải tiền ông T trả ông G. Mặt dù những người làm chứng (anh Q, anh H, ông M) không trực tiếp chứng kiến sự việc ông G cho ông T vay tiền nhưng họ đều xác nhận sự việc: họ đã trực tiếp chứng kiến ông T hứa sẽ lo tiền trả cho ông G khi ông G yêu cầu ông T trả 35.000.000 đồng. Ông T cũng thừa nhận nhiều lần ông G đến nhà đòi ông trả 35.000.000 đồng. Sự việc ông G đòi tiền ông T diễn ra thời gian dài, nhiều lần, tại nhiều địa điểm và được nhiều người chứng kiến. Ông G, ông T và những người làm chứng trong vụ án đều thừa nhận họ chỉ quen biết trong cuộc sống, không bà con thân thuộc, không mâu thuẫn, thân thiết gì với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người làm chứng theo đúng quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người làm chứng này cam đoan khai báo trung thực những tình tiết mà mình biết được có liên quan đến việc giải quyết vụ án; ông T cho rằng những người làm chứng không khách quan, họ làm chứng để G ông G đòi tiền ông nhưng ông không có gì chứng minh. Do đó, ông G khởi kiện ông T buộc ông T trả số tiền 35.000.000 đồng là có cơ sở.

[2.2] Về tiền lãi: Tại phiên tòa, ông G rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc 35.000.000 đồng đã cho vay. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông G nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của ông G được chấp nhận nên ông T phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 147, 217, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn G.

Buộc ông Huỳnh Thanh T có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn G số tiền nợ vay là 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông G về việc buộc ông T trả cho ông G tiền lãi của số tiền gốc 35.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.750.000 (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Trả lại ông Võ Văn G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 960.000 (Chín trăm sáu mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002064 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Ánh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Ngọc Ánh